

**DANH MỤC HÀNG HOÁ**

(Kèm theo Thư mời số /TM-BVĐKT ngày /11/2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang)

TT	Tên danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật yêu cầu ( nếu có )	Số lượng	Ghi chú
<b>I. Danh mục vật tư y tế, công cụ dụng cụ</b>					
<b>1 - Danh mục vật tư định, nẹp, vít</b>					
1	Nẹp lòng máng 1/3 các cỡ. Chất liệu thép không gỉ	Chiếc		80	
2	Bộ nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	Bộ		70	
3	Bộ nẹp khóa đầu trên xương đùi	Bộ		100	
4	Nẹp mắt xích	Chiếc		50	
	<b>Tổng: 04 danh mục</b>				
<b>2 - Danh mục vật tư tiêu hao khác</b>					
1	Ống đặt nội khí quản các số	Chiếc		10.000	
2	Kim luồn tĩnh mạch Số G24	Chiếc		20.000	
3	Kim luồn tĩnh mạch các số	Chiếc		50.000	
4	Đầu côn lưu mẫu 10ul	Chiếc		19.000	
5	Túi đo áp lực dùng trong TT theo dõi HA động mạch	Chiếc		10	
6	Phim X Quang khô laser Kích cỡ 25cm x 30cm	Tờ		52.000	
7	Phim X Quang khô laser Kích cỡ 35cm x 43cm	Tờ		20.000	
8	Canuyn mở khí quản số 7.5	Chiếc		10	
9	Canuyn mở khí quản số 7	Chiếc		5	
10	Canuyn mở khí quản số 8	Chiếc		5	
11	Ống mở khí quản Shigobe 2 nòng số 7.5	Chiếc		20	
12	Ống mở khí quản Shigobe 2 nòng số 8.0	Chiếc		20	
13	Bộ quả thay thế huyết tương, chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng	Quả		10	

14	Quả lọc hấp phụ sử dụng trong cấp cứu MG350	Quả		3	
15	Quả lọc hấp phụ Serin 330	Quả		10	
16	Ống nghiệm chứa chất chống đông Natri	Chiếc		36.000	
17	Bảng đựng hóa chất	Bảng		5	
18	Ribbon mực in dùng cho máy cắt, hàn m	Chiếc		30	
19	Quả lọc máu nhân tạo QB $\geq 300$ ml/phút Hệ số siêu lọc ml/h/mmHg : $\geq 14$	Quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu suất màng với tốc độ máu (QB) =300 ml/phút:</li> <li>- Hệ số siêu lọc ml/h/mmHg : 14</li> <li>- Độ thanh thải : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Urea: 269 ml/phút</li> <li>+ Creatinine:242 ml/phút</li> <li>+ Phosphate:187 ml/phút</li> <li>+ Vitamine B12: 112 ml/phút</li> </ul> </li> <li>- Diện tích bề mặt(m<sup>2</sup>): 1.6</li> <li>- Thể tích chứa máu (ml): 98</li> <li>- Chất liệu màng: <math>\alpha</math> Polysulfone Pro</li> <li>- Phương pháp tiệt khuẩn: Gamma không Oxy</li> <li>* Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 và CE</li> </ul>	5.000	
20	Kim chạy thận nhân tạo số 16G,	Chiếc		20.000	
21	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm, Catheter 2 nòng, cỡ 12F hoặc 14F	Chiếc		200	
22	Bút thử độ cứng nước	Chiếc		5	
23	Bơm tiêm điện 50ml	Chiếc		200	

24	Thủy tinh thể nhân tạo mềm Chất liệu Hydrophylic Acrylic copolymer $\geq 25\%$ nước. Chỉ số khúc xạ: $\leq 1,5$ .	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy tinh thể nhân tạo mềm 1 mảnh, còng chữ C. Chất liệu Hydrophylic Acrylic copolymer 26% nước.</li> <li>- Thủy tinh thể lọc ánh sáng xanh và lọc tia UV.</li> <li>Thiết kế dạng hai mặt lồi.</li> <li>- Độ dày trung tâm thủy tinh thể khoảng 0,98mm</li> <li>Góc còng 0 độ. Chỉ số A-constant: 118. ACD: 4,96 mm. Chỉ số khúc xạ: 1,46.</li> <li>- Dải công suất từ 0D tới +30D.</li> <li>- Chiều dài thủy tinh thể: 12,5 mm</li> <li>- Đường kính optic: 6,00 mm.</li> <li>- Cầu sai 0 độ.</li> <li>- Được cung cấp cùng súng và cartridge dùng 1 lần đồng bộ với vết mổ 2.2 / 2.5mm.</li> </ul>	500	
25	Thủy tinh thể nhân tạo mềm kéo dài tiêu cự, chất liệu acrylic kỵ nước.	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy tinh thể nhân tạo mềm kéo dài tiêu cự, chất liệu acrylic kỵ nước không có hiện tượng Glistening.</li> <li>- Tổng chiều dài kính trong khoảng: 10,75 mm và 11 mm; đường kính optic: 5,75 mm và 6 mm</li> <li>- Thiết kế 4 còng, lọc tia cực tím và lọc ánh sáng xanh.</li> <li>- Chỉ số khúc xạ 1,53</li> <li>- Chỉ số Abbe: 42</li> <li>- Thủy tinh thể được lắp sẵn trong Cartridge qua vết mổ nhỏ <math>\leq 2,5</math> mm.</li> <li>- Công suất: từ <math>\leq 10D</math> đến <math>\geq 30D</math>.</li> <li>- Bờ cạnh vuông 360 độ.</li> <li>- Hằng số A: 119,4</li> </ul>	200	
26	Chất nhầy phẫu thuật mắt 2%	Ống		150	
27	Lam kính mài loại mài nhám 1 đầu	Chiếc		16.000	
28	Kim chọc dò và gây tê tuỷ sống 25G	Chiếc		2.500	
29	Dây nối máy điện châm	Bộ	Dây cáp điện cực, dây kẹp kim	30	
30	Chỉ không tiêu đơn sợi 10/0	Sợi		60	
31	Chỉ Nylon 3/0	Sợi		4.000	
32	Chỉ khâu tiêu chậm 6/0	Sợi		50	

33	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi kháng khuẩn số 1	Sợi		4.800	
34	Lưỡi dao mổ số 11	Chiếc		3.000	
35	Lưỡi dao mổ số 20	Chiếc		5.000	
36	Mask thở oxy trẻ em	Chiếc		200	
37	Khí CO2 Y tế chất lượng $\geq 99,8\%$	Kg		2.700	
38	Khí oxy y tế chất lượng $\geq 99,6\%$ dạng hóa lỏng	Kg		585.000	
39	Khí Oxy y tế chai 40 lít	Lít khí		4.950.000	
40	Phin lọc khuẩn cho máy thở	Chiếc		1.000	
41	Mask máy thở không xâm nhập	Chiếc		20	
42	Dây máy thở không xâm nhập đôi	Chiếc		6	
43	Dây máy thở không xâm nhập đơn	Chiếc		10	
44	Chổi dài rửa ống nội soi phế quản	Chiếc	KT dài 1m	2	
45	Giấy đo khúc xạ tự động	Cuộn	Rộng 55mm	15	
46	Giấy đo huyết áp tự động	cuộn	Rộng 55mm	100	
47	Giấy in nhiệt máy đo nhân áp tự động	cuộn	Rộng 55mm	15	
48	Băng chun ( dùng trong chấn thương thể thao)	cuộn	KT: 4.5 x 7.5cm	50	
49	Nẹp cổ cứng Orbe	Chiếc		90	
50	Nẹp gỗ căng chân Kích thước dài 70cm	Chiếc	KT 70cm x 9 x 0,8	1.000	
51	Nẹp gỗ căng tay KT:6 x 30 x 0,7cm	Chiếc	KT:6 x 30 x 0,8cm	1.000	
52	Nẹp gỗ cánh tay KT:8 x 60 x 0,8cm	Chiếc	KT:8 x 60 x 0,8cm	1.000	
53	Nẹp gỗ xương đùi Kích thước dài 140cm	Chiếc	KT 140cm x 0,8 x 10	1.000	
53	Nẹp gỗ xương đùi KT:9 x 90 x 0,9cm	Chiếc	KT:9 x 90 x 0,8cm	500	
54	Gioăng công dịch máy thận HD	Chiếc		200	
55	Quả lọc nước 5mc	Quả		45	
56	Quả lọc nước 10mc	Quả		10	
57	Quả lọc nước 0.2mc	Quả		10	
58	Đo độ cứng của nước	Chiếc		4	
59	Khay chuẩn bị mẫu 8 giếng, dùng cho máy tách chiết tự động	Hộp		10	
60	đầu côn tiết khuẩn, có lọc 1500 $\mu$ l	Chiếc		13.312	

61	Ống chặn từ 8 thanh	Hộp		3	
62	Tube phản ứng 0.1ml	Túi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Strip PCR 8 ống 0.1mL cho phản ứng PCR</li> <li>- Thích hợp cho các phản ứng PCR thường, Real-time PCR</li> <li>- Không có nắp, thành mỏng, màu trắng đục</li> <li>- Thẻ tích phản ứng tối thiểu: 5µL</li> <li>- Có thể hấp sấy</li> <li>- Tương thích với máy CFX96 và dùng được cho xét nghiệm real-time PCR đa môi</li> </ul>	8	
63	Nắp đậy tube	Túi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắp cho strip 8 ống PCR 0.1mL tương ứng</li> <li>- Có thể hấp sấy</li> <li>- Tương thích với ống PCR chạy trên máy CFX96 và dùng được cho xét nghiệm real-time PCR đa môi</li> </ul>	8	
64	Đầu côn hút mẫu dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	<p>Mục đích sử dụng: Đầu côn hút mẫu dùng trên hệ thống xét nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo quản: 2 - 25°C</li> </ul> <p>Thành phần: Đầu côn hút mẫu bằng nhựa dùng một</p>	6	
65	Đầu côn dùng cho máy miễn dịch tự động Lumipulse G1200	Hộp	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công dụng: Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm dùng cho hệ thống Lumipulse</li> <li>2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> <li>3. Đóng gói: 12x 96 cái</li> </ol>	13	
66	Đầu côn vàng	Chiếc		40.000	
67	Pipet tự động đơn kênh dải 1-10 ml	Chiếc	Dải 1-10ml	2	
68	Pipet tự động đơn kênh dải 100-1000 ul	Chiếc	dải 100-1000ml	2	
69	Pipet tự động đơn kênh dải 5-100ul	Chiếc	dải 5-100ml	2	
70	Zilgo (miếng dán urgo)	Miếng		4.000	
71	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng hơi nước, Kích thước 30cm x 200m hoặc hơn	Cuộn	Kích thước 30cm x 200m	6	
72	Kẹp rôn	Chiếc		6.000	
73	Chổi đánh bóng	Chiếc	KT 2cm	100	
74	Fuji IX	Hộp	15 gam	1	
75	Fuji I	Hộp	15 gam	1	

76	Composite Flow (3M-A3)	Tuýp	4 gam	1	
77	Composite đặc (3M- A3)	Tuýp	4 gam	1	
78	Composite lỏng A3	Tuýp		1	
79	Bonding 3M	Lọ	6 gam	1	
80	Etching 3M	Lọ	6 gam	1	
81	Tăm bông	Hộp	KT 7cm	1	
82	Mũi khoan chóp nhọn (đuôi chuột) (loại mịn, nhám)	Chiếc	KT 2cm	20	
83	Kim châm cứu số 15	Chiếc		1.000	
84	catheter 2 nòng có Cuff GlidePath	Cái	catheter 2 nòng có Cuff GlidePath	20	
85	Bao trùm thiết bị y tế bao Camera nội soi	Cái	Bao trùm thiết bị y tế bao Camera nội soi	20	
86	Băng keo cuộn co giãn Clivex 15cm*10m	Cuộn	Băng keo cuộn co giãn Clivex 15cm*10m	10	
87	Cuopling Đỏ	Cái		10	
88	Cuopling Xanh	Cái		10	
89	Roăng que hút dịch	Gói		20	
90	Que hút dịch AB	Cái		20	
91	Bộ vật tư tiêu hao tách chiết dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn	Hộp	Bộ vật tư tiêu hao tách chiết dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn.	359	
92	Đầu côn có lọc loại 300μL cho bộ tách chiết dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn	Hộp	Đầu côn có lọc loại 300μL cho bộ tách chiết dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn	20	
93	Hộp đựng chất thải dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn	Hộp	Hộp đựng chất thải dùng cho máy sinh học phân tử tự động	1	
	<b>Tổng: 93 Danh mục</b>				
<b>3 - Danh mục bông băng gạc</b>					
1	Băng dính cuộn vải lụa y tế 5cmx5m	Cuộn		8.000	
2	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp tiệt trùng	Miếng		20.000	

3	Bông thấm	Kg		500	
4	Băng cuộn 10cm x 5cm	Cuộn		20.000	
5	Băng vô trùng trong suốt	Miếng		500	
<b>Tổng: 05 danh mục</b>					
<b>4-danh mục công cụ dụng cụ và vật tư thay thế</b>					
1	Bình làm ấm gắn tường	Chiếc		30	
2	Đồng hồ oxy bình làm ấm	Chiếc		20	
30	Bộ đai kéo giãn cột sống cổ, ngực và lưng của Hệ thống kéo giãn cột sống cổ, ngực, lưng TM400 - ITO - Nhật Bản	Bộ	03 đai 3 vùng cổ, ngực, lưng; các móc bằng inox	1	
3	Đèn gù	Chiếc		5	
4	Đèn cực tím có bóng, máng, chân di động	Bộ	Bóng + máng dài 90cm, chân cao 1->1,2m	1	
5	Tủ đẩy tiêm thuốc cấp cứu	Chiếc	kích thước 750X 475X930mm( 2 ngăn kéo nhỏ, 2 ngăn kéo)	1	
6	Tủ thuốc Inox	Chiếc	D800XR400X cao1600-Inox 304	1	
7	Tủ thuốc y tế sàn nghiêng AB	Chiếc	D800XR400X cao1600-Inox 304	1	
9	Hộp đựng dụng cụ cấp cứu	Chiếc		5	
10	Bóng đèn đặt nội khí quản	Chiếc		10	
11	Dây máy thở dùng cho máy HFNC	Bộ		30	
12	Bộ dây máy hút áp lực âm treo tường	Bộ		60	
13	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt.	Bộ		50	
14	Catheter động mạch đùi có đầu cảm biến áp lực và nhiệt độ	Bộ		50	
15	Dây máy thở silicon người lớn	Bộ		30	
16	Bình thở oxy cầm tường	Bộ		40	
17	Dây dẫn khí đo huyết áp dùng cho monitor loại 1 dây	Chiếc		30	

18	Dây dẫn khí đo huyết áp dùng cho monitor loại 2 dây	Chiếc		2	
19	Dây cáp điện tim dùng cho monitor OMNI II	Chiếc		20	
20	Đầu đo Spo2 dùng cho monitor Vitapia7000K	Chiếc		20	
21	Dây cáp điện tim cho monitor BSM-3562K	Chiếc		20	
22	Dây cáp điện tim dùng cho monitor Philip	Chiếc		20	
23	Dây cáp điện tim dùng cho monitor carescape	Chiếc		20	
24	Dây cáp điện tim dùng cho monitor infinity	Chiếc		20	
25	Điện cực tạo nhịp tim ngoài cơ thể	Chiếc		300	
26	Hộp hấp	Chiếc	KT: 36 x 45cm	2	
27	Bát kiềm	Chiếc	2,5 - 7cm	5	
28	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc	15cm	5	
29	Kẹp phẫu tích không máu	Chiếc	15cm	5	
30	Kẹp răng chuột	Chiếc	16cm	5	
31	Panh thẳng không máu	Chiếc	16cm	5	
32	Panh thẳng có máu	Chiếc	16cm	5	
33	Kéo cong	Chiếc	10cm	5	
34	Cán dao mổ số 3	Chiếc	12cm	5	
35	Kéo thẳng	Chiếc	10cm	5	
36	Kẹp kim	Chiếc	10cm	5	
37	Bộ đèn đặt nội khí quản	Bộ		8	
38	Mũi khoan trụ( size to, nhỏ)	Chiếc	KT 2cm	10	
39	Mũi khoan tròn(size to-nhỏ)	Chiếc	KT 2cm	10	
40	Đầu lấy cao răng dưới NUỒU DENTSPLY	Chiếc	20cm	1	
41	Xe đẩy bệnh nhân ngồi bánh đặc	Chiếc		8	
42	Kẹp khuỷu	Chiếc	KT: 15cm	2	
44	Xe tiêm có ngăn kéo(Xe cấp cứu)	Chiếc		1	

45	Xe đẩy tiêm 3 tầng	Chiếc		3	
46	Hộp inox phi 360	Chiếc		2	
49	Khay inox 30 x 40cm	Chiếc	Thép không gỉ dùng trong y tế	10	
50	Cọc truyền inox có bánh xe	Chiếc		40	
<b>Tổng: 50 danh mục</b>					
<b>II. Danh mục hóa chất y tế</b>					
<b>1-Danh mục hóa chất sử dụng cho các máy</b>					
1	Dung dịch ly giải hồng cầu máy 27, 35 thông số.	Lít	- Đệm hữu cơ < 5% - Chất tẩy rửa < 1% - Chất bảo quản < 0,1% - Phá vỡ các màng leucocyte ( WBC), ngoại trừ basophils. Phân biệt kích cỡ giữa basophils và nuclei leucocytes khác bằng cách đo thể tích (trở kháng).	60	Dùng cho máy XN huyết học Pentra XL80, Pentra XLR
2	Dung dịch ly giải hồng cầu máy 50 thông số.	Lít	- Đệm hữu cơ < 5% - Chất tẩy rửa < 1% - Chất bảo quản < 0,1% - Phá vỡ các màng bạch cầu( WBC), ngoại trừ bạch cầu ưa base. Phân biệt kích cỡ giữa bạch cầu ưa base và bạch cầu có nhân khác bằng cách đo thể tích (trở kháng).	500	Dùng cho máy XN huyết học Pentra DX Nexus, Yumizen H2500
3	Dung dịch rửa máy thường quy.	Lít	- Đệm hữu cơ < 5% - Enzym hủy protein < 1% - Chất bảo quản < 0,1% - Natri azit < 0,1%	150	Dùng cho máy XN huyết học Pentra DX Nexus, Yumizen H2501

4	Dung dịch pha loãng bạch cầu ( WBC)	Lít	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đệm hữu cơ &lt; 5%</li> <li>- Chất bảo quản &lt; 0,1%</li> <li>- Chất hoạt động bề mặt &lt; 0,1%</li> <li>- Natri azit &lt; 0,1%</li> <li>- Thành phần có chứa: dung dịch muối và dung dịch đệm cho phép pha loãng và chuẩn bị mẫu máu để phân tích. Sự hiện diện của chất hoạt động bề mặt không ion đảm bảo một luồng năng lượng tối ưu trong toàn bộ hệ thống thủy lực của dụng cụ. Hành động điện phân hỗ trợ đếm các tế bào bằng trở kháng.</li> </ul>	3.200	Dùng cho máy XN huyết học Pentra DX Nexus, Yumizen H2502
5	Dung dịch ly giải hồng cầu ( RBC) trên máy 27, 35 thông số.	Lít	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đệm hữu cơ &lt; 5%</li> <li>- Chất tẩy rửa &lt; 1%</li> <li>- Chất còn &lt; 10%</li> <li>- Chất bảo quản &lt; 0,1%</li> <li>- Phân giải erythrocytes ( RBC), ổn định leucocytes ( WBC) theo các dạng tự nhiên và biến màu các nhân eosinophil với khả năng nhuộm màu cụ thể.</li> </ul>	60	Dùng cho máy XN huyết học Pentra XL80, Pentra XLR
6	Dung dịch ly giải hồng cầu xác định lượng Hematocrit trên máy 27, 35 thông số.	ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đệm hữu cơ &lt; 5%</li> <li>- Chất tẩy rửa &lt; 2,5%</li> <li>- Phá vỡ màng tế bào hồng cầu ( RBC) bằng cách thêm chất hoạt tính bề mặt, hemoglobin được nhả ra. Tất cả ion heme bị oxy hóa và phức chất được định lượng bằng phép quang phổ ở bước sóng 550 nm.</li> </ul>	16.000	Dùng cho máy XN huyết học Pentra XL80, Pentra XLR
7	Dung dịch ly giải hồng cầu xác định lượng Hematocrit trên máy 50 thông số.	Lít	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đệm hữu cơ &lt; 5%</li> <li>- Chất tẩy rửa &lt; 2,5%</li> <li>- ABX Lysebio Phá vỡ màng tế bào hồng cầu ( RBC) bằng cách thêm chất surfactant, hemoglobin được giải phóng. Tất cả sắt heme bị oxy hóa và kết hợp phức hợp được định lượng bằng phép quang phổ ở bước sóng 550 nm.</li> </ul>	60	Dùng cho máy XN huyết học Pentra XL80, Pentra XLR

8	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức độ Normal.	ml	- Huyết thanh kiểm tra mức trung bình, thành phần có chứa: mammalian leucocytes (WBC), erythrocytes ( RBC) và thrombocytes (PLT) lơ lửng trong dung dịch giống plasma. - Giống máu tươi toàn thể, màu hồng nhạt.	72	Dùng cho máy XN huyết học Pentra XL80, Pentra XLR
9	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức độ Low.	ml	- Huyết thanh kiểm tra mức thấp, thành phần có chứa: mammalian leucocytes (WBC), erythrocytes (RBC) và thrombocytes (PLT) lơ lửng trong dung dịch giống plasma. - Giống máu tươi toàn thể, màu hồng nhạt.	72	Dùng cho máy XN huyết học Pentra XL80, Pentra XLR
10	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức độ High.	ml	- Huyết thanh kiểm tra mức cao, thành phần có chứa: mammalian leucocytes (WBC), erythrocytes ( RBC) và thrombocytes (PLT) lơ lửng trong dung dịch giống plasma. - Giống máu tươi toàn thể, màu hồng nhạt.	72	Dùng cho máy XN huyết học Pentra XL80, Pentra XLR
11	Dung dịch ly giải hồng cầu và phân tách bạch cầu trên máy 50 thông số.	Lít		40	Dùng cho máy XN huyết học Pentra DX Nexus
12	Dung dịch ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu trong xét nghiệm huyết học 55 thông số.	Lít		60	Dùng cho máy XN huyết học , Yumizen H2500
13	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi kháng khuẩn số 1	Hộp		2	Dùng cho máy XN đông máu ACL Top 550

14	Hóa chất đo thời gian PT dành cho máy phân tích đông máu, tối thiểu 5x8.5ml+5x8.5ml/ Hộp.	Hộp		60	Dùng cho máy XN đông máu ACL Top 551
15	Chất kiểm chứng mức bất thường thấp dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông máu.	Hộp		6	Dùng cho máy XN đông máu ACL Top 552
16	Thẻ xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO phương pháp hồng cầu mẫu, kháng thể bất thường và hòa hợp.	cassett		500	Dùng cho máy XN định nhóm máu bán tự động
17	Thẻ xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO và Rh(D) theo phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu	cassett	Cassette để thực hiện xét nghiệm định tính kháng nguyên nhóm máu ABO và D (Rh1) trên tế bào hồng cầu người và để xác định kháng thể nhóm máu dự kiến.	800	Dùng cho máy XN định nhóm máu bán tự động
18	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	Thanh	- Chứa 45 giếng hóa chất và 2 giếng chứa huỳnh quang. - Các hóa chất có: l-phenylalanine-amc, 4mu-n-acetyl-bd- glucosaminide, l-glutamic acid-amc, l-pyroglutamic acid-amc, colistin, d-mannitol, alpha-ketoglutaric acid, gamma-l- glutamyl-na, n-acetyl-galactosamine, sorbitol, sucrose, beta- gentiobiose...	800	Hóa chất cho máy định danh vi khuẩn Phoenix M50

19	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm.	Thanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi.</li> <li>- Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Aminoglycoside, Quinolone, Cyclic peptide, Tetracycline, Fosfomycin, Nitrofurantoin, Glycylcycline, Folate Antagonist.</li> <li>- Phát hiện các vi khuẩn sinh men carbapenemase (CPO): Enterobacteriaceae, Acinetobacter và Pseudomonas trong vòng 6 -11 giờ.</li> <li>- Phân CPO thành nhóm Ambler A,B hoặc D.</li> <li>- Có kháng sinh Ceftazidime/Avibactam.</li> <li>- Bảo quản ở 15 - 25°C.</li> </ul>	1.000	Hóa chất cho máy định danh vi khuẩn Phoenix M50
20	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương,	Thanh		1.000	Hóa chất cho máy định danh vi khuẩn Phoenix M50
21	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương.	Thanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứa 45 giếng hóa chất và 2 giếng chứa huỳnh quang. Các hóa chất bao gồm: 4mu-bd-cellobioside, l-pyroglutamic acid-amc, methionine-amc, arginine-arginine-amc, 4mu-n- acetyl-bd-glucosaminide, colistin, polymyxin b, alpha- ketoglutaric acid, 3-methyladipic acid, alanine-alanine-pna, beta-gentiobiose, n-acetyl-glucosamine...</li> </ul>	700	Hóa chất cho máy định danh vi khuẩn Phoenix M50

22	Thẻ định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn phế cầu/ liên cầu.	Thanh	- Panel sử dụng các loại thuốc kháng sinh dòng beta-lactam, macrolide lincosamide streptogramin, lipopeptide, quinolone, oxazolidinone, tetracycline, folate antagonist. - Các hóa chất có: amygdalin, d-galactose, d-mannitol, d- raffinose, n-acetyl-glucosamine, pnp-ad-galactoside, alanine- alanine-pna, thymidine, pullulan, esculin...	300	Hóa chất cho máy định danh vi khuẩn Phoenix M50
23	Chất chỉ thị kháng sinh đồ liên cầu/ phế cầu, tối thiểu 6ml/lọ.	Lọ	- Panel sử dụng các loại thuốc kháng sinh dòng beta-lactam, macrolide lincosamide streptogramin, lipopeptide, quinolone, oxazolidinone, tetracycline, folate antagonist. - Các hóa chất có: amygdalin, d-galactose, d-mannitol, d- raffinose, n-acetyl-glucosamine, pnp-ad-galactoside, alanine- alanine-pna, thymidine, pullulan, esculin...	6	Hóa chất cho máy định danh vi khuẩn Phoenix M50
24	Chất chỉ thị kháng sinh đồ chung, tối thiểu 6ml/lọ.	Lọ	Thể tích $\geq 6$ ml/ lọ. Thành phần: Redox indicator <3g, Redox stabilizers < 20g trên 1 lít nước cất.	10	Hóa chất cho máy định danh vi khuẩn Phoenix M50
25	Canh trường dùng cho kháng sinh đồ liên cầu/ phế cầu, tối thiểu 8ml/ống.	Ống	Thể tích $\geq 8$ ml dung dịch thành phần có chứa: Casein của Pancreatic Digest; Pepton; Thymidin phosphorylase; Polysorbate	300	Hóa chất cho máy định danh vi khuẩn Phoenix M50
26	Canh trường dùng cho định danh, tối thiểu 4.5 ml/ống.	Ống	Thể tích $\geq 4.5$ ml dung dịch thành phần có chứa: KCl; CaCl <sub>2</sub> ; Tricine glyxerin; Polysorbate	1.000	Hóa chất cho máy định danh vi khuẩn Phoenix M50

27	Băng chun ( dùng trong chấn thương thể thao)	Chai	Chứa $\leq 16\%$ w/v hạt resin hấp phụ, $\leq 1\%$ w/v hạt resin trao đổi. Chai 30ml	600	Hóa chất sử dụng cho máy cấy máu Bactec FX
28	Chai cấy máu kỵ khí, tối thiểu 40ml/chai.	Chai	Chứa $\leq 0.26\%$ w/v saponin, $\leq 0.01\%$ w/v yếu tố chống tạo bọt. Chai 40ml	600	Hóa chất sử dụng cho máy cấy máu Bactec FX
29	Kit real-time PCR định lượng HBV.	Test	Phát hiện HBV Genotype A - H Thành phần: Hỗn hợp thuốc thử:mẫu chứng HBV nồng độ 1;mẫu chứng HBV nồng độ 2;mẫu chứng HBV nồng độ 3;mẫu chứng HBV nồng độ 4;mẫu chứng HBV nồng độ 5;Chất nội kiểm IC. Nước 1000 $\mu$ l	2.736	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi Model: CFX 96
30	Kít phát hiện 28 type HPV.	Test	- Đồng thời phát hiện và xác định 19 type HPV nguy cơ cao và 9 type HPV nguy cơ thấp gây ung thư cổ tử cung, bao gồm: + 19 type HPV nguy cơ cao: 16, 18, 26, 31, 33, 35, 39, 45, 51, 52, 53, 56, 58, 59, 66, 68, 69, 73, 82. + 9 type HPV nguy cơ thấp: 6, 11, 40, 42, 43, 44, 54, 61, 70 - Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch phết sinh dục, Dịch tế bào (ThinPrep & Surepath)	200	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi Model: CFX 96

31	<p>Kit real-time PCR xác định đa tác nhân vi khuẩn đường hô hấp</p> <p>Phát hiện cùng lúc các tác nhân sau: M.Pneumoniae, C.Pneumoniae, L.Pneumoniae, H. influenzae, S.Pneumoniae, B.Pertussis, B.Parapertussis.</p>	Test	<p>- Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: M.pneumoniae, C.pneumoniae, L.pneumoniae, S.pneumoniae, H.influenzae, B.pertussis, B.parapertussis</p> <p>- Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch ngoáy ty hầu, Dịch hút ty hầu, Dịch rửa phế quản , Đờm</p>	1.000	<p>Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi</p> <p>Model: CFX 96</p>
32	<p>Kit real-time PCR xác định đa tác nhân virus đường hô hấp</p> <p>Phát hiện đồng thời các tác nhân: Adenovirus, Enterovirus, MPV, PIV1, PIV2, PIV3, PIV4.</p>	Test	<p>- Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Adenovirus, Enterovirus, MPV, PIV1, PIV2, PIV3, PIV4</p> <p>- Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch ngoáy ty hầu, Dịch hút ty hầu, Dịch rửa phế quản</p>	200	<p>Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi</p> <p>Model: CFX 96</p>
33	Hóa chất xét nghiệm AHCV .	Test	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuốc thử Lite chứa kháng thể đơn dòng IgG của người (~0,05µg/mL) được đánh dấu bằng Acridinium ester</li> <li>- Thuốc thử pha rắn chứa các vi hạt thuận từ được bọc bằng reptavidin đã được tạo từ trước với kháng nguyên tái tổ hợp c200 của HCV đã bị biotinyl hóa (~0,3µg/mL)</li> <li>- Thuốc thử bổ sung chứa kháng nguyên HCV</li> <li>- Thuốc thử bổ sung chứa albumin huyết thanh bò, dê và sodium azide (&lt;0,1%)</li> <li>- Hóa chất hiệu chuẩn bao gồm huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với kháng thể kháng HCV</li> </ul>	3.000	<p>Hóa chất cho máy miễn dịch tự động Advia Centaur XPT</p>

34	Hóa chất xét nghiệm HIV Combo. Hóa chất cho máy miễn dịch tự động Advia Centaur XPT	Test	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuốc thử Lite chứa kháng nguyên tái tổ hợp của HIV và kháng thể HIV được đánh dấu bằng Acridinium ester</li> <li>- Thuốc thử pha rắn chứa các vi hạt thuật từ được bọc bằng streptavidin đã được tạo từ trước với kháng nguyên và kháng thể HIV đã bị biotinyl hóa (~0,3µg/mL)</li> <li>- Thuốc thử Lite bổ sung chứa kháng nguyên tái tổ hợp của HIV và kháng thể HIV</li> <li>- Hóa chất calib bao gồm huyết tương người đã xử lý âm tính với kháng thể HIV.</li> </ul>	4.000	
35	Hóa chất xét nghiệm HbeAg.	Test	<p>Bao gồm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuốc thử thử lite chứa kháng thể đơn dòng chuột kháng Hbe gắn acridinium ester</li> <li>- Thuốc thử pha rắn chứa vi hạt nhiễm từ phủ streptavidin định hình sẵn với kháng thể đơn dòng chuột chuột kháng HBe (1mg/L)</li> <li>- Thuốc thử phụ chứa hạt latex không nhiễm từ</li> <li>- Chất chuẩn: chứa chất đệm BSA, chất bảo quản và rHBeAg pha loãng trong chất đệm BSA, sodium azide</li> </ul>	1.000	Hóa chất cho máy miễn dịch tự động Advia Centaur XPT
36	Dung dịch kích hoạt phản ứng hóa phát quang ( acid/ bazo).	Hộp	<p>Mục đích sử dụng: Dung dịch tham gia phản ứng miễn dịch Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lọ Acid: Hydrogen peroxide (0.5%); nitric acid (0.1 N)</li> <li>- Lọ Base: ≤ 0.25 N sodium hydroxide và chất hoạt động bề mặt</li> </ul>	6	Hóa chất cho máy miễn dịch tự động Advia Centaur XPT

37	Môi trường MacConkey Broth	Hộp	<p>Để tăng sinh có chọn lọc E.coli từ các sản phẩm dược phẩm theo giới hạn vi khuẩn thử nghiệm theo phương pháp của USP/EP/BP/JP. Thành phần:</p> <p>Gelatin peptone Lactose monohydrate Dehydrated bile Bromo cresol purple</p> <p>pH sau khi khử trùng ( ở 25°C) 7.3±0.2</p> <p>Bảo quản ở 10-30°C, môi trường đã chuẩn bị ở 15-25°C Có chứng nhận IVD"</p>	2	
38	Hỗn hợp kháng sinh đông khô sử dụng trong nuôi cấy lao thử công, tối thiểu 20 test/ Hộp	Hộp	<p>Hỗn hợp kháng sinh đông khô bao gồm: Polymyxin B 6,000 đơn vị, Amphotericin B 600 µg, Nalidixic axit 2,400 µg, Trimethoprim 600 µg, Azlocillin 600 µg.</p> <p>Bảo quản ở 2 -8°C.</p>	3	
39	Test chẩn đoán Toenia IgG (sán dây lợn, bò) bằng phương pháp Elisa	Test	<p>Độ nhạy: 100%</p> <p>Độ đặc hiệu: 100%</p>	192	
40	Toxocara IgG (Kit xét nghiệm phát hiện giun đũa chó mèo)	Test	<p>Xét nghiệm dùng để phát hiện kháng thể giun đũa chó mèo( Toxocara IgG) trong mẫu huyết thanh của người bằng kỹ thuật ELISA</p> <p>Độ nhạy: 87.5% Độ đặc hiệu: 93.3%</p> <p>Độ ổn định: tại 2-8°C trong 12 tháng</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA Certificate No 224-10-2021</p>	864	
41	Test chẩn đoán giun đầu gai bằng phương pháp ELISA	Test	<p>AccuElis Gnathostoma spinigerum Detection Kit đặc hiệu cho giun đầu gai (Gnathostoma spinigerum), không phản ứng chéo với một số loại ký sinh trùng khác.</p> <p>Giới hạn của kit: Kit là công cụ xét nghiệm hỗ trợ cho chẩn đoán, không thể thay thế các phương pháp chẩn đoán truyền thống khác.</p> <p>Chứng âm: Khoảng giới hạn OD 450/620 từ 0.0 đến &lt; 0.2 Chứng dương: Khoảng giới hạn OD 450/620 &gt;= 0.5</p>	96	

42	Test chẩn đoán giang mai bằng phương pháp ngưng kết hạt TPPA	Test	Xét nghiệm ngưng kết Hạt thụ động in vitro phát hiện kháng thể kháng Treponema Pallidum trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Độ đặc hiệu 100, độ nhạy 100%	1.000	
43	Bộ hóa chất tách chiết axit nucleic virus hoặc DNA vi khuẩn	Hộp	- Mục đích sử dụng: sử dụng công nghệ hạt từ để tách chiết và tinh sạch tự động nucleic acids từ mẫu sinh phẩm - Thành phần: Khay hóa chất: 2 chiếc Giá enzyme: 2 chiếc Nắp: 2 chiếc Đệm: 20 ml Miếng cố định có thể tái sử dụng: 2 chiếc	6	dùng cho máy tách chiết tự động
44	Kit real-time PCR đa môi phát hiện virus cúm A, cúm B, SARS-CoV-2 và RSV .	Test	Phát hiện virus cúm A, cúm B, SARS-CoV-2 và RSV	800	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi Model: CFX 96
45	Bộ kit phát hiện đa tác nhân gây bệnh: Borrelia mayonii (BMayo), Borrelia burgdorferi sensu stricto (BBss), Babesia duncani (BD), Babesia microti (BMic), Borrelia miyamotoi (BMiya), Rickettsia rickettsii và Rickettsia .	Test	Bộ kit real-time PCR phát hiện các tác nhân: Borrelia mayonii (BMayo), Borrelia burgdorferi sensu stricto (BBss), Babesia duncani (BD), Babesia microti (BMic), Borrelia miyamotoi (BMiya), Rickettsia rickettsii và Rickettsia akari và Rickettsia parkeri (Ricke), Anaplasma phagocytophilum (AP), Ehrlichia ewingii (EE) và Ehrlichia chaffeensis (EC) - Loại mẫu bệnh phẩm: Máu toàn phần	100	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi Model: CFX 96

46	Kit Real-time PCR xác định virus sởi .	Test		100	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi Model: CFX 96
47	Thuốc thử xét nghiệm định tính HBSAgII	Test	Mục đích sử dụng: định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần: Thuốc thử Lite: kháng thể đơn dòng của chuột kháng HBsAg được đánh dấu bằng acridinium ester trong dung dịch đệm có albumin huyết thanh bò, gamma globulin bò, huyết thanh dê, IgG chuột... Thuốc thử bổ xung: kháng thể đơn dòng của chuột kháng HBsAg đã biotinyl hóa và kháng thể đơn dòng của chuột kháng HBsAg được đánh dấu bằng acridinium ester trong dung dịch đệm có albumin huyết thanh bò, gamma globulin bò, huyết thanh dê, IgG chuột, chất hoạt động bề mặt, natri azit (< 0,1%) và chất bảo quản ADV	9.000	chạy trên máy miễn dịch tự động Centaur XPT
48	Dung dịch kích hoạt phản ứng hóa phát quang ( acid/ bazo) chạy trên máy miễn dịch tự động Centaur XPT	Hộp	Mục đích sử dụng: Dung dịch tham gia phản ứng miễn dịch Thành phần: - Lọ Acid: Hydrogen peroxide (0.5%); nitric acid (0.1 N) - Lọ Base: ≤ 0.25 N sodium hydroxide và chất hoạt động bề mặt	6	chạy trên máy miễn dịch tự động Centaur XPT

49	Dung dịch cơ chất chạy	Hộp	<p>1. Công dụng: là một loại thuốc thử phổ biến được dùng cho phản ứng enzym trong LUMIPULSE G System</p> <p>2. Thành phần: dạng lỏng Chứa 0,2 mg/mL AMPPD là một chất nền trong dung dịch đệm diethanolamine với chất ổn định hóa học. Chất bảo quản: natri azid</p> <p>3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 4 Quy cách đóng gói: 6x 100mL</p>	5	
50	Vật liệu hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAg	Hộp	<p>1. Công dụng: trong chuẩn hóa LUMIPULSE G System để phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt với vi rút viêm gan B (HBsAg) trong huyết tương hoặc huyết thanh người.</p> <p>2. Thành phần: dạng lỏng, 2 nồng độ</p> <p>3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>4. Quy cách đóng gói: 1x 2x 2mL</p>	2	chạy trên máy miễn dịch tự động Lumipulse G1200
51	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm các bệnh truyền nhiễm ( Chứng dương)	Hộp		1	chạy trên máy miễn dịch tự động Lumipulse G1200
52	Vật liệu hiệu chuẩn xét nghiệm HBcAb- N	Hộp	<p>1. Công dụng: Để sử dụng cho chuẩn hóa LUMIPULSE G System nhằm phát hiện định tính kháng thể chống kháng nguyên lõi vi rút viêm gan B (anti-HBc) trong huyết tương hoặc huyết thanh người</p> <p>2. Thành phần: dạng lỏng, 2 nồng độ</p> <p>3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.</p> <p>4. Tiêu chuẩn đóng gói: 1x 2x 1.5mL</p>	2	chạy trên máy miễn dịch tự động Lumipulse G1200

53	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm các bệnh truyền nhiễm (Chứng dương)	Hộp	Sản xuất từ huyết thanh người. Dạng lỏng thuận tiện sử dụng Chất phân tích cho xét nghiệm Anti-CMV, Anti-HBc, Anti- HCV, Anti-HIV 1/2, Anti HTLV I/II, Anti-Treponema pallidum (Syphilis), HBsAg. Chứng dương. Ổn định tối thiểu 50 ngày sau khi mở nắp khi bảo quản ở 2-8 °C	1	chạy trên máy miễn dịch tự động Lumipulse G1200
54	Test nhanh chẩn đoán bệnh viêm đường ruột do Rotavirus	Test	Phát hiện kháng nguyên Rotavirus trong mẫu phân. Thành phần: Cộng hợp vàng (thành phần chính): kháng thể chuột đơn dòng kháng Rotavirus ( $1 \pm 0,2 \mu\text{g}$ ); vạch thử (thành phần chính): kháng thể thô kháng Rotavirus ( $4 \pm 0,8 \mu\text{g}$ ); vạch chứng: kháng thể dê kháng chuột	300	
55	Que thử nước tiểu dùng cho máy phân tích nước tiểu Clinitek Novus Pro 12	Hộp		50	
56	Que thử nước tiểu 10 thông số Multistix 10 SG	Hộp		20	
57	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase), tối thiểu 4x12ml+4x12ml/ Hộp	Hộp		2	
58	Hóa chất xét nghiệm Protein Total trong Urine/CSF , sử dụng cho máy hệ mở	Hộp		1	
59	Chất chuẩn Testosterone, tối thiểu 6x2.5ml/ Hộp	Hộp		1	
60	Định lượng Testosterone	Hộp		2	
61	Que thử đường máu	Hộp		150	
62	Hóa chất tách chiết mẫu 600 $\mu\text{L}$ - 1000 $\mu\text{L}$ dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn	Hộp	Hóa chất tách chiết acid nucleic cho mẫu bệnh phẩm từ 600 $\mu\text{L}$ - 1000 $\mu\text{L}$ , sử dụng phù hợp cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn.	359	
63	Cassette phản ứng PCR dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn	Hộp	Cassette phản ứng PCR dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn.	91	

64	Bộ xét nghiệm định lượng virus HIV	Hộp	<p>* HIV1 Kit là xét nghiệm phiên mã ngược axit nucleic và khuếch đại định lượng để phát hiện và định lượng RNA của Virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 (HIV1) trong các mẫu RNA được tách chiết từ các mẫu bệnh phẩm.</p> <p>Xét nghiệm có thể phát hiện RNA của HIV1 thuộc nhóm M (loại A, B, C, D, F, G, H, J, K, L), nhóm O, nhóm N và loại CRF chính CRF01-AE, CRF02-AG và CRF03-AB.</p> <p>* Thành phần: HIV1 Mix HIV1 Standard: HIV1 Positive Control, HIV1 Internal Control.</p> <p>* LoD: 60IU/mL (26 copies/mL) với mẫu huyết tương</p> <p>* Độ đặc hiệu: 99.5%</p>	11	
65	Bộ xét nghiệm định lượng virus Viêm gan B	Hộp	<p>* HBV Kit là xét nghiệm khuếch đại axit nucleic để phát hiện và định lượng DNA của Vi-rút Viêm gan B (HBV) được tách chiết từ các mẫu bệnh phẩm. Xét nghiệm có thể phát hiện HBV thuộc các kiểu gen A, B, C, D, E, F, G, H, I và RF.</p> <p>* Thành phần: HBV Mix HBV Standard HBV Positive Control HBV Internal Control</p> <p>* LoD: 9 IU/mL (38 copies/mL) mẫu huyết thanh, huyết tương</p> <p>* Độ đặc hiệu: 97.6%</p>	165	

66	Bộ xét nghiệm định lượng virus Viêm gan C	Hộp	<p>* HCV Kit là xét nghiệm phiên mã ngược axit nucleic và khuếch đại định lượng để phát hiện và định lượng RNA của vi rút viêm gan C (HCV) trong các mẫu RNA được tách chiết từ các mẫu bệnh phẩm. Xét nghiệm có thể phát hiện RNA của HCV thuộc kiểu gen 1,2,3,4,5,6. Sản phẩm này được thiết kế để sử dụng như một công cụ hỗ trợ trong việc quản lý những người bị nhiễm HCV đang điều trị bằng thuốc kháng vi-rút, cùng với dữ liệu lâm sàng của bệnh nhân và các kết quả xét nghiệm khác trong phòng thí nghiệm.</p> <p>* Thành phần: HCV Mix HCV Standard HCV Positive Control HCV Internal Control</p> <p>* LoD: 26 IU/mL (11 copies/mL) mẫu huyết thanh, huyết tương</p> <p>* Độ đặc hiệu: 100%</p>	4	
<b>Tổng: 66 danh mục</b>					
<b>2- Danh mục hóa chất khác</b>					
1	Bộ nhuộm Ziehl –Neelsen lạnh	Bộ	ZN Acid Fast Stains-Kit được sử dụng để nhuộm vi khuẩn kháng axit.	15	
2	Bộ nhuộm gram	Bộ	Sử dụng để nhuộm vi sinh vật từ mẫu nuôi cấy hoặc mẫu bệnh phẩm theo phương pháp nhuộm Gram	15	
3	Dung dịch tiệt khuẩn MDT 4	lít		100	
4	Cồn tuyệt đối	Lít		200	
5	Citric acid	Kg		800	
6	Acid HCL 1%	ml		500	
7	Acid Tricloacetic 10%	ml		500	
8	Muối tinh NaCl	Kg		3.000	
9	Máu cừu	Túi		32	
10	Xylene	Lít		40	

11	Gel cắt lạnh	Chai	120ml/chai	1	
12	Acid sulfuric đặc	Chai		4	
13	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế	lít	Thành phần chính: Ortho-Phthaldehyde 0,55%	700	
14	Hóa chất làm sạch bề mặt dụng cụ nội soi dạ dày, đại tràng	Lít		12	
<b>Tổng: 14 danh mục</b>					
<b>3- Danh mục sinh phẩm chuẩn đoán Invitro</b>					
1	Test nhanh chẩn đoán HIV 1/2	Test	Cộng hợp vàng: kháng thể đơn dòng chuột kháng HIV p24 keo vàng, kháng nguyên tái tổ hợp HIV-1/ HIV-2-keo vàng; Vạch thử: kháng nguyên tái tổ hợp HIV-1/ HIV-2; vạch chứng: kháng thể IgG chuột lấy từ Dê	10.000	
2	Test nhanh chẩn đoán HIV	Test	Phát hiện và phân biệt kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2. Mẫu bệnh phẩm: Huyết thanh; Huyết tương; Máu toàn phần. Thành phần hoạt chất: Vùng cộng hợp: Cộng hợp vàng HIV- Ag tái tổ hợp; Anti-Human IgG-FcMCAb; Anti-HIV McAb (bao gồm GP36, Env36, GP41). Độ nhạy $\geq 99,87\%$ . Độ đặc hiệu $\geq 99,76\%$ . Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	5.000	
<b>Tổng: 02 danh mục</b>					
<b>Tổng: 234 Danh mục</b>					